

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP MỘC  
VƯƠNG SINH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ  
NÔNG NGHIỆP MỘC VƯƠNG SINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MOC VUONG SINH AGRICULTURAL  
TECHNOLOGY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110913210

3. Ngày thành lập: 12/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

226 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0333396539

Fax:

Email: mocvuongsinh@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng lúa                                               | 0111        |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                 | 0112(Chính) |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                            | 0113        |
| 4.  | Trồng cây mía                                           | 0114        |
| 5.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc lào                           | 0115        |
| 6.  | Trồng cây lấy sợi                                       | 0116        |
| 7.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                               | 0117        |
| 8.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                    | 0118        |
| 9.  | Trồng cây hàng năm khác                                 | 0119        |
| 10. | Trồng cây ăn quả                                        | 0121        |
| 11. | Trồng cây lấy quả chứa dầu                              | 0122        |
| 12. | Trồng cây điều                                          | 0123        |
| 13. | Trồng cây hồ tiêu                                       | 0124        |
| 14. | Trồng cây cao su                                        | 0125        |
| 15. | Trồng cây cà phê                                        | 0126        |
| 16. | Trồng cây chè                                           | 0127        |
| 17. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm | 0128        |
| 18. | Trồng cây lâu năm khác                                  | 0129        |
| 19. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                     | 0131        |
| 20. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                      | 0132        |

|     |                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                                         | 0141 |
| 22. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa                                                                                                   | 0142 |
| 23. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                                                                                                | 0144 |
| 24. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                                                                   | 0145 |
| 25. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                     | 0146 |
| 26. | Chăn nuôi khác<br>(trừ nuôi côn trùng)                                                                                                                | 0149 |
| 27. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                         | 0150 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                          | 0161 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                           | 0162 |
| 30. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                       | 0163 |
| 31. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                         | 0164 |
| 32. | Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan                                                                                                   | 0170 |
| 33. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại nhà nước cấm, Không bao gồm động vật hoang dã, động vật quý hiếm) | 4620 |
| 34. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                        | 4631 |
| 35. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                    | 4632 |
| 36. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                  | 4711 |
| 37. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)                                                           | 4719 |
| 38. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                     | 4721 |
| 39. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                      | 4722 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 450.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                 | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐỖ VĂN HẢI         | Số nhà 2/468<br>Đường Đồng<br>Hoà, TDP Mỹ<br>Khê Đông,<br>Phường Đồng<br>Hoà, Quận Kiến<br>An, Thành phố<br>Hải Phòng, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 67.500        | 675.000.000              | 15,000       | 0310920202<br>21                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                    | Tổng số                            | 67.500        | 675.000.000              | 15,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | ĐẶNG<br>THANH TÙNG | Số 108 Tô Vĩnh<br>Diện, Phường<br>Khương Trung,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 135.000       | 1.350.000.000            | 30,000       | 0010730191<br>75                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                    | Tổng số                            | 135.000       | 1.350.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                                                                 |                           |         |               |        |              |  |
|---|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 3 | PHAN THI VÓC | Số nhà 37 Đường Trần Khánh Dư, Tổ dân phố 7, Thị trấn Ia Kha, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  | 037180006539 |  |
|   |              |                                                                                                                                 | Cổ phần phổ thông         | 90.000  | 900.000.000   | 20,000 |              |  |
|   |              |                                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                                                                 | Tổng số                   | 90.000  | 900.000.000   | 20,000 |              |  |
|   |              |                                                                                                                                 |                           |         |               |        |              |  |
| 4 | ĐỖ VĂN HỌC   | P4.04 Tháp C Chung cư ProsperPlaza, số 22/14 đường Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  | 024064000095 |  |
|   |              |                                                                                                                                 | Cổ phần phổ thông         | 157.500 | 1.575.000.000 | 35,000 |              |  |
|   |              |                                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |              |                                                                                                                                 | Tổng số                   | 157.500 | 1.575.000.000 | 35,000 |              |  |
|   |              |                                                                                                                                 |                           |         |               |        |              |  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ VĂN HẢI**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *26/04/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *031092020221*

Ngày cấp: *10/07/2022*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số nhà 2/468 Đường Đồng Hoà, TDP Mỹ Khê Đông, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 2/468 Đường Đồng Hoà, TDP Mỹ Khê Đông, Phường Đồng Hoà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*